

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 10 Tháng 9 Năm 2013

DANH SÁCH THÍ SINH
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NGUYỄN VỌNG 2 (NV2)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Võ Thị Như An	19/02/95	Nữ	QHLC.04701		2	8.50	6.75	7.50	23.00	C . .00170	D760101
2	Nguyễn Hồng Nhung	16/11/95	Nữ	QHLD1.04558		3	7.50	7.50	6.75	22.00	C . .00037	D760101
3	Nguyễn Thị Thùy	01/07/95	Nữ	CSHC.17865		1	6.00	8.50	7.00	21.50	C . .00055	D760101
4	Nguyễn Thị Thanh Huyền	26/01/95	Nữ	QHLD3.07361		2	6.25	7.50	7.50	21.50	C . .00177	D760101
5	Nguyễn Thị Hải Anh	21/03/95	Nữ	TGCD1.04820		2	7.00	6.75	7.00	21.00	C . .00019	D760101
6	Đặng Thị Nhung	14/12/95	Nữ	PCHA.02312		2NT	7.00	6.75	7.25	21.00	Q . .00006	D340101
7	Nguyễn Hồng Anh	17/06/95	Nữ	QHTA.00288		3	7.50	6.50	6.50	20.50	Q . .00082	D340101
8	Nguyễn Thị Hòa	08/12/95	Nữ	HCHC.03648		2	7.00	6.25	7.00	20.50	C . .00139	D760101
9	Nguyễn Hoàng Phương	30/08/95	Nữ	QHLC.02991		2NT	6.00	6.75	7.50	20.50	C . .00191	D760101
10	Nguyễn Diệu Linh	08/05/95	Nữ	TGCC.01815		3	6.00	8.00	6.00	20.00	C . .00162	D760101
11	Chu Ngọc Bích	21/05/95	Nữ	NHFD1.01054		3	7.00	6.75	6.25	20.00	Q . .00158	D340101
12	Lê Minh Hằng	21/06/95	Nữ	TGCD1.05699		3	7.25	5.75	6.50	19.50	C . .00009	D760101
13	Nguyễn Vũ Hoàng Dương	30/01/95		KHAA.01734		2NT	6.75	5.50	7.25	19.50	Q . .00044	D340101
14	Gia Thị Thương	18/06/95	Nữ	CSHC.17953	01	1	6.50	9.00	4.00	19.50	C . .00174	D760101
15	Nguyễn Vũ Hoàng Dương	30/01/95		KHAA.01734		2NT	6.75	5.50	7.25	19.50	Q . .00161	D340101
16	Phạm Thị Hải Hà	17/09/95	Nữ	QHXD3.08953		2	5.50	7.25	6.50	19.50	Q . .00162	D340101
17	Ngô Kim Anh	03/02/95	Nữ	BKAD1.00039		2	5.75	5.75	7.50	19.00	C . .00006	D760101
18	Doãn Kiều Anh	13/11/95	Nữ	BKAD1.00007		2	5.00	6.25	7.50	19.00	Q . .00017	D340101
19	Nguyễn Mai Anh	16/08/95	Nữ	TGCD1.04914		2	5.00	5.75	8.00	19.00	C . .00140	D760101
20	Hà Minh Châu	05/10/95	Nữ	NHFD1.01099		3	6.50	5.25	7.00	19.00	Q . .00135	D340101
21	Vũ Bích Nga	16/06/95	Nữ	LPHD1.10930		3	4.75	6.25	7.50	18.50	Q . .00001	D340101
22	Nguyễn Hoàng Dương	26/12/95		BKAA.02255		3	6.25	5.50	6.50	18.50	C . .00012	D340101
23	Nguyễn Thị Lan	23/04/95	Nữ	LPHC.06625		2NT	5.25	7.50	5.50	18.50	C . .00044	D760101

24	Trần Tiểu Lan	07/01/95	Nữ	TGCD1.06341		2	5.50	5.75	7.00	18.50	C . .00048	D760101
25	Lê Thị Quý	26/09/95	Nữ	KHAA.06992		2NT	6.00	6.75	5.50	18.50	Q . .00029	D340101
26	Hoàng Thị Thùy Linh	01/03/94	Nữ	DHAC.70674		2	6.50	6.00	5.75	18.50	C . .00065	D760101
27	Bùi Thu Ngân	14/11/95	Nữ	LPHD1.10977		3	5.75	5.00	7.50	18.50	C . .00082	D760101
28	Nguyễn Thị Minh Thúy	28/02/95	Nữ	ANHC.06616		1	8.00	3.25	7.00	18.50	C . .00084	D760101
29	Đào Diệp Anh	22/12/95	Nữ	SPHD1.12403		3	6.75	5.75	6.00	18.50	Q . .00075	D340101
30	Nguyễn Thị Nường	27/06/95	Nữ	TGCC.02511	06	1	6.00	7.50	5.00	18.50	C . .00110	D760101
31	Trần Đàm Linh	25/08/95	Nữ	NHFD1.04416		3	5.00	7.50	5.75	18.50	C . .00169	D760101
32	Hoàng Phương Thanh	16/01/95	Nữ	QHTA.13910		3	6.25	4.25	7.75	18.50	Q . .00130	D340101
33	Lê Thị Thu Nga	05/11/94	Nữ	CSHC.15500		3	7.00	6.75	4.75	18.50	C . .00192	D760101
34	Trần Hương Ly	15/01/95	Nữ	CSHC.15044		3	5.50	8.75	4.25	18.50	C . .00227	D760101
35	Lã Thị Ngọc	28/10/94	Nữ	KHAD1.04124		3	6.50	4.50	7.50	18.50	Q . .00154	D340101
36	Nguyễn Thị Huyền	15/12/89	Nữ	TGCC.01403		2NT	5.00	6.00	7.50	18.50	C . .00229	D760101
37	Trần Thị Thu Hiền	14/09/95	Nữ	QHXC.01185		2	6.50	3.25	8.00	18.00	C . .00015	D760101
38	Hồ Kim Ngân	16/06/95	Nữ	TGCD1.07037		3	5.00	6.25	6.50	18.00	C . .00016	D760101
39	Hà Thị Mến	01/09/95	Nữ	LPHC.08152	01	1	5.00	4.50	8.25	18.00	C . .00054	D760101
40	Đỗ Thị Thúy Hằng	07/10/95	Nữ	TGCC.00984		2NT	6.25	5.50	6.00	18.00	C . .00058	D760101
41	La Thị Thanh Thủy	11/07/94	Nữ	LPHC.07434	01	1	7.25	4.00	6.50	18.00	C . .00066	D760101
42	Nguyễn Mai Anh	06/10/95	Nữ	QHSC.00114		3	5.25	5.75	7.00	18.00	C . .00073	D760101
43	Nguyễn Thị Thanh Loan	19/04/95	Nữ	NHHA.02601		2	4.50	5.75	7.50	18.00	Q . .00062	D340101
44	Đỗ Đức Dương	14/08/95		CSHC.11519		2	6.25	8.00	3.75	18.00	C . .00105	D760101
45	Võ Ngọc Trâm	27/11/95	Nữ	CSHC.18477	06	1	7.75	6.75	3.25	18.00	C . .00118	D760101
46	Nguyễn Hồng Anh	19/09/95	Nữ	NHFD1.05000		3	5.00	7.00	5.75	18.00	Q . .00106	D340101
47	Ngọc Phương Khanh	28/11/95	Nữ	TGCD1.06282		3	4.25	6.50	7.00	18.00	C . .00135	D760101
48	Nguyễn Thị Phương Anh	09/12/95	Nữ	LPHC.09842		2	5.75	4.75	7.50	18.00	C . .00148	D760101
49	Đặng Thị Thu Hoài	28/04/95	Nữ	CSHC.13059		1	6.25	7.50	4.00	18.00	C . .00189	D760101
50	Phạm Lan Anh	28/02/95	Nữ	KHAD1.00219		3	3.75	6.25	8.00	18.00	C . .00203	D760101
51	Nguyễn Thị Bích Huệ	03/02/95	Nữ	TGCC.01362		1	5.50	6.00	6.50	18.00	C . .00215	D760101
52	Ngô Thị Hà	07/11/95	Nữ	TGCD1.05530		2NT	5.75	4.00	8.00	18.00	C . .00224	D760101
53	Nguyễn Thanh Hà	29/09/95	Nữ	VHHC.00475		3	7.25	3.25	7.00	17.50	C . .00001	D760101
54	Nguyễn Thùy Vân	06/02/95	Nữ	TGCD1.08573		3	5.50	4.75	7.00	17.50	C . .00010	D760101
55	Nguyễn Ngọc Chi	13/01/95	Nữ	LDAD1.18772		3	6.25	4.75	6.50	17.50	Q . .00003	D340101
56	Bùi Ngọc Hà	26/06/95	Nữ	LPHD1.11517		2	6.25	4.50	6.50	17.50	C . .00023	D760101
57	Nguyễn Trung Anh	23/03/95	Nữ	QHSD1.00369		2	5.50	8.00	3.75	17.50	Q . .00019	D340101
58	Nguyễn Thị Mai Hạnh	28/03/95	Nữ	ANHD1.07745		2	5.00	4.50	8.00	17.50	C . .00034	D760101
59	Lương Nguyễn Mỹ Hạnh	21/07/95	Nữ	LDAC.15457		3	5.00	5.50	7.00	17.50	C . .00050	D760101

60	Nguyễn Thị Hồng Quyên	06/10/95	Nữ	LPHD1.12467		2	5.00	5.25	7.00	17.50	C . .00060	D760101
61	Đặng Thị Lan Hương	15/10/95	Nữ	ANHD1.07905		2NT	6.75	3.25	7.50	17.50	C . .00068	D760101
62	Mai Doãn Đông	25/05/95	Nữ	TGCD1.05376		1	6.50	3.75	7.00	17.50	C . .00070	D760101
63	Nguyễn Minh Thu	24/03/95	Nữ	HCBA.01586		3	5.50	5.00	6.75	17.50	Q . .00045	D340101
64	Nguyễn Thị Ngọc Lan	25/09/95	Nữ	LDAD1.21417		3	5.75	4.50	7.00	17.50	Q . .00049	D340101
65	Nguyễn Phương Thảo	07/07/95	Nữ	QHTA1.14006		3	4.25	4.50	8.50	17.50	Q . .00050	D340101
66	Đỗ Thị Liễu	30/12/95	Nữ	HCHD1.04437		2	7.50	6.25	3.75	17.50	Q . .00057	D340101
67	Cao Thị Thủy	12/03/95	Nữ	YPBA.01627		2NT	6.50	5.75	5.00	17.50	Q . .00063	D340101
68	Hoàng Tú Anh	14/08/95	Nữ	TGCD1.04843		2	6.25	5.75	5.50	17.50	C . .00096	D760101
69	Nguyễn Tấn Vinh	13/01/94		CSHC.19514		3	5.75	6.75	5.00	17.50	C . .00116	D760101
70	Bùi Thị Bích Phương	28/12/95	Nữ	LPHA.04183		2	5.25	5.25	6.75	17.50	Q . .00096	D340101
71	Đào Khánh Linh	27/08/95	Nữ	DMTD1.04373		3	7.00	7.25	3.00	17.50	C . .00165	D760101
72	Hoàng Huyền Trang	27/05/94	Nữ	TGCD1.08161		3	6.00	6.00	5.50	17.50	Q . .00123	D340101
73	Nguyễn Thu Hiền	24/03/95	Nữ	TGCD1.08834		2	5.50	5.25	6.50	17.50	C . .00206	D760101
74	Đỗ Hoàng Anh	12/04/95		LDAA.06516		3	5.25	4.25	8.00	17.50	Q . .00149	D340101
75	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	26/02/95	Nữ	CSSC.17263		1	4.25	6.75	6.25	17.50	C . .00240	D760101
76	Khúc Thảo Linh	29/07/95	Nữ	LDAD1.21640		3	5.50	5.75	5.50	17.00	C . .00003	D760101
77	Vũ Minh Tâm	02/10/95	Nữ	NHHA.01294		2	4.25	5.50	7.00	17.00	Q . .00004	D340101
78	Nguyễn Thị Yến	13/07/95	Nữ	NHFD1.09835		3	8.00	2.75	6.25	17.00	Q . .00008	D340101
79	Đặng Thị Thúy	03/01/95	Nữ	TGCD1.08032		3	6.25	4.25	6.50	17.00	Q . .00009	D340101
80	Trần Ngọc Anh	11/10/95	Nữ	NHFD1.00150		3	6.00	5.50	5.50	17.00	Q . .00014	D340101
81	Nguyễn Thị Hương Lan	28/09/95	Nữ	TGCC.01702		2	5.00	5.00	7.00	17.00	C . .00031	D760101
82	Phạm Nguyễn Hoàng Loan	01/01/95	Nữ	TGCD1.08901		2	6.00	4.00	7.00	17.00	C . .00053	D760101
83	Tô Thị Quỳnh Giang	25/08/94	Nữ	CSHC.12110		1	5.25	7.75	4.00	17.00	C . .00067	D760101
84	Dương Thị Mỹ Hạnh	19/11/95	Nữ	DDLD1.12619		2	7.00	5.25	4.75	17.00	Q . .00048	D340101
85	Phạm Thị Thùy Dương	27/02/95	Nữ	TMAD1.20742		2NT	6.25	3.50	7.00	17.00	Q . .00059	D340101
86	Nguyễn Thị Hồng Nhung	02/01/95	Nữ	NHFD1.06392		2	7.00	5.75	4.25	17.00	Q . .00102	D340101
87	Phan Thị My	28/07/95	Nữ	TGCD1.06945		2NT	3.75	7.00	6.00	17.00	C . .00133	D760101
88	Lê Thị Lài	15/08/93	Nữ	ANHC.05302	06	2NT	7.00	3.00	7.00	17.00	C . .00152	D760101
89	Dương Thị Hôn Anh	08/03/95	Nữ	KHAD1.00175		2	5.25	4.50	7.00	17.00	C . .00196	D760101
90	Đỗ Thị Thanh Huyền	06/02/95	Nữ	LPHC.09014		1	5.25	4.50	7.00	17.00	C . .00214	D760101
91	Trần Thị Thanh Thủy	22/05/95	Nữ	MHND1.24829		3	6.50	4.75	5.50	17.00	C . .00226	D760101
92	Nguyễn Thanh Hương	19/01/92	Nữ	HQTD1.01527		2	4.25	6.25	6.00	16.50	C . .00005	D760101
93	Hoàng Thị Khánh An	17/08/94	Nữ	QHLC.00005		2NT	6.25	4.50	5.50	16.50	C . .00042	D760101
94	Trần Thanh Trang	11/05/94	Nữ	LPSD1.11194		2NT	7.00	4.25	5.25	16.50	C . .00069	D760101
95	Nguyễn Thị Cẩm Tú	05/03/95	Nữ	LDAA.13805		2	5.75	4.50	6.25	16.50	Q . .00046	D340101

96	Trần Thị Tuyết	19/11/95	Nữ	QHXD1.06735		2	5.75	5.25	5.25	16.50	C . .00081	D760101
97	Nguyễn Thị Nhung	28/12/95	Nữ	TMAD1.23074		2NT	4.50	5.50	6.50	16.50	Q . .00080	D340101
98	Nguyễn Thị Luyến	20/11/94	Nữ	TGCC.02007		1	6.00	4.50	6.00	16.50	C . .00111	D760101
99	Nguyễn Thị Mai	17/11/95	Nữ	VHHD1.03904		2NT	4.25	4.75	7.50	16.50	Q . .00095	D340101
100	Dương Thị Trang	12/09/95	Nữ	CSHC.18291		2NT	5.75	8.00	2.75	16.50	C . .00123	D760101
101	Hà Thị Hường	25/07/95	Nữ	TGCC.01621		1	5.50	3.50	7.50	16.50	C . .00147	D760101
102	Bùi Ngọc Khanh	31/07/95	Nữ	QHTA1.12368		3	6.00	4.25	6.00	16.50	Q . .00069	D340101
103	Trần Thị Ngọc Hà	01/04/95	Nữ	CSHC.15517		2NT	6.25	6.00	4.00	16.50	C . .00175	D760101
104	Trịnh Thị Ngọc	06/04/95	Nữ	ANHC.05790		2NT	5.50	3.75	7.00	16.50	C . .00179	D760101
105	Phí Thị Hồng Ly	18/05/95	Nữ	VHHC.02489		2	7.25	2.75	6.50	16.50	C . .00186	D760101
106	Đào Khánh Linh	27/08/95	Nữ	NHFA.00626		3	7.25	5.00	4.25	16.50	Q . .00138	D340101
107	Lê Thị Diệu Hương	15/12/92	Nữ	QHXC.01705		2NT	6.50	5.00	5.00	16.50	C . .00219	D760101
108	Trần Minh Khoa	21/04/95		LDAA.02328		3	4.50	5.25	6.50	16.50	Q . .00151	D340101
109	Nguyễn Việt Lê	03/04/95	Nữ	CSSC.15223		1	3.00	8.00	5.25	16.50	C . .00222	D760101
110	Nguyễn Thùy An	20/12/95	Nữ	NHFD1.00038	06	3	7.50	3.50	4.75	16.00	C . .00004	D760101
111	Trương Minh Huyền	16/10/95	Nữ	LPHC.10137		1	6.25	3.75	6.00	16.00	C . .00007	D760101
112	Đinh Thị Thùy Dung	19/10/95	Nữ	SPHC.10765		2	3.75	5.00	7.00	16.00	C . .00014	D760101
113	Trần Phương Thảo	29/12/95	Nữ	LDAA.04169		3	5.25	5.25	5.50	16.00	Q . .00007	D340101
114	Đào Thị Tuyến	07/02/95	Nữ	LDAC.17317		3	7.00	2.50	6.50	16.00	C . .00038	D760101
115	Nguyễn Thu Phương	21/05/95	Nữ	DMTA.13619		2	5.25	6.50	4.25	16.00	Q . .00020	D340101
116	Lù Thái Minh	12/09/95	Nữ	TGCC.02139	01	1	5.75	3.00	7.00	16.00	C . .00039	D760101
117	Nguyễn Thùy Linh	16/02/95	Nữ	TGCC.01810		3	6.50	3.00	6.50	16.00	C . .00047	D760101
118	Phan Thị Quỳnh Nhi	14/06/95	Nữ	HCSD1.04246		2NT	6.00	3.25	6.50	16.00	C . .00062	D760101
119	Phan Thị Lê	09/04/95	Nữ	SPHC.19378		2NT	6.50	3.75	5.50	16.00	C . .00064	D760101
120	Hoàng Thị Uyên	01/08/95	Nữ	TGCC.03915		2NT	5.50	3.00	7.50	16.00	C . .00074	D760101
121	Trần Thị Hòa	06/08/95	Nữ	QHTA.16331		2NT	4.50	4.75	6.50	16.00	Q . .00047	D340101
122	Ngô Nguyễn Tử Anh	22/02/94		BVHA.00057		3	4.50	5.50	6.00	16.00	Q . .00058	D340101
123	Lê Thị Hiền	12/12/95	Nữ	HCBA.00592		2NT	4.75	7.50	3.50	16.00	Q . .00068	D340101
124	Nguyễn Hồng Huyền	18/08/95	Nữ	HCHC.00000	01	1	6.00	4.75	5.00	16.00	C . .00097	D760101
125	Hồ Diễm My	29/04/95	Nữ	LDAA.10656		3	5.25	3.50	7.25	16.00	Q . .00076	D340101
126	Nguyễn Thị Thanh	18/06/95	Nữ	TGCD1.07695		2NT	6.25	3.25	6.50	16.00	C . .00115	D760101
127	Phạm Thị Xuân	20/12/94	Nữ	TMAD1.24793		2NT	4.50	4.25	7.00	16.00	Q . .00104	D340101
128	Nguyễn Thị Thảo	05/10/95	Nữ	ANHD1.08378		2NT	5.00	5.00	6.00	16.00	Q . .00108	D340101
129	Nguyễn Thu Hường	16/02/95	Nữ	LDAD1.26442	06	2	5.50	3.75	6.50	16.00	C . .00149	D760101
130	Vũ Mai An	22/05/95	Nữ	MHND1.00318		3	4.25	4.00	7.50	16.00	C . .00151	D760101
131	Nguyễn Thanh Huyền	08/02/95	Nữ	DNVC.01787		2NT	4.25	4.50	7.00	16.00	C . .00157	D760101

132	Nguyễn Thị Thùy Dung	31/08/95	Nữ	KHAA.01377		2	4.50	4.00	7.50	16.00	Q . .00128	D340101
133	Bùi Thị Thanh Huyền	29/04/95	Nữ	DMTA1.04548		2	6.50	2.75	6.75	16.00	Q . .00129	D340101
134	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/09/95	Nữ	SPHC.09952		2NT	5.75	4.00	6.00	16.00	C . .00207	D760101
135	Đinh Trọng Nhân	15/12/95		DCNA.28721		2	3.25	5.75	7.00	16.00	Q . .00153	D340101
136	Nguyễn Trung Hiếu	29/07/95		CSHC.12820		2	6.00	4.50	5.25	16.00	C . .00225	D760101
137	Trần Thùy Linh	26/01/95	Nữ	TGCD1.06486		3	3.25	5.25	7.00	15.50	C . .00011	D760101
138	Vũ Hồ Lâm Anh	07/12/95	Nữ	HCHD1.03910		2	7.00	3.25	5.00	15.50	C . .00022	D760101
139	Phạm Thị Thu Thảo	02/05/95	Nữ	SPHD1.13557		3	3.75	5.00	6.50	15.50	C . .00026	D760101
140	Nguyễn Thị Lan	24/10/94	Nữ	HCHC.02653		2NT	6.50	4.00	5.00	15.50	C . .00029	D760101
141	Nguyễn Thị Hậu	04/10/95	Nữ	DNVD1.06294		2NT	5.75	2.50	7.00	15.50	Q . .00024	D340101
142	Phạm Phương Chi	12/12/95	Nữ	LDAA.07059		3	4.75	3.50	7.00	15.50	Q . .00028	D340101
143	Nguyễn Thị Hương	01/03/93	Nữ	LPHC.08613		1	7.25	3.00	5.00	15.50	C . .00052	D760101
144	Trần Diệu Thu	23/08/95	Nữ	YPBA.01535		2	6.50	3.50	5.50	15.50	Q . .00031	D340101
145	Trần Thị Khánh Hòa	26/11/94	Nữ	TGCD1.05878	01	2NT	4.50	5.25	5.50	15.50	Q . .00034	D340101
146	Nguyễn Thu Hà	21/03/95	Nữ	DNVD1.06181		3	5.25	4.00	6.00	15.50	C . .00072	D760101
147	Nguyễn Kim Thủy	12/03/95	Nữ	NTHD1.07992		3	7.50	1.50	6.50	15.50	C . .00075	D760101
148	Trần Ngọc Huyền	25/03/95	Nữ	SPHD1.13983		2NT	5.50	4.00	6.00	15.50	C . .00077	D760101
149	Đào Diệu Linh	13/10/95	Nữ	TGCC.01865		2	6.00	2.50	7.00	15.50	C . .00080	D760101
150	Tạ Phương Anh	06/06/95	Nữ	NHFD5.00009		3	6.00	5.25	4.25	15.50	Q . .00064	D340101
151	Nguyễn Mai Linh	02/04/95	Nữ	SPHD1.12925		3	5.50	6.00	4.00	15.50	C . .00092	D760101
152	Phan Bích Phương	29/03/95	Nữ	NHFD1.06915		3	6.50	5.25	3.75	15.50	C . .00093	D760101
153	Hoàng Thị Hoài Thương	27/09/93	Nữ	HHKD1.05822	06	3	6.00	3.75	5.50	15.50	C . .00094	D760101
154	Ngô Mai Anh	16/10/95	Nữ	TGCD1.04965		1	3.25	6.00	6.00	15.50	C . .00099	D760101
155	Trần Thị Hương	05/07/95	Nữ	TGCD1.06221		2NT	5.50	3.75	6.00	15.50	C . .00102	D760101
156	Nguyễn Thị Ngân Hà	03/12/95	Nữ	HHKA.00252		2	4.75	3.75	6.75	15.50	Q . .00086	D340101
157	Trương Tú Uyên	12/04/95	Nữ	ZNHC.00243		1	6.25	3.00	6.00	15.50	C . .00109	D760101
158	Đoàn Hải Dương	20/09/95	Nữ	DMTD1.04492		3	3.75	4.50	7.00	15.50	C . .00127	D760101
159	Nguyễn Thị Giang	16/06/95	Nữ	SP2C.00379		2NT	5.50	4.75	5.00	15.50	C . .00129	D760101
160	Lê Thị Thùy Anh	02/10/93	Nữ	DNVC.00174		3	5.25	5.25	5.00	15.50	C . .00138	D760101
161	Phạm Thanh Phước	28/11/95		LDAA.11731		3	3.50	4.75	7.25	15.50	Q . .00107	D340101
162	Đào Ngọc Diệp	10/02/95	Nữ	LDAD1.18944		3	7.00	3.25	5.00	15.50	C . .00153	D760101
163	Nguyễn Thị Luyên	17/06/95	Nữ	TGCD1.06741		2NT	6.25	2.00	7.00	15.50	Q . .00117	D340101
164	Thái Lệ Mỹ Linh	20/01/94	Nữ	BVHD1.04495		3	6.50	1.00	7.75	15.50	C . .00164	D760101
165	Lương Thùy Dung	24/02/95	Nữ	CSHC.11207	01	1	6.25	5.00	4.00	15.50	C . .00182	D760101
166	Nguyễn Hà Anh	07/11/95	Nữ	TGCD1.04703		3	4.75	4.75	6.00	15.50	C . .00183	D760101
167	Lê Thị Ninh	16/10/93	Nữ	CSHC.15840		2NT	4.50	7.25	3.75	15.50	C . .00195	D760101

168	Phạm Thu Hương	26/08/93	Nữ	TGCC.01522		2NT	5.00	4.00	6.50	15.50	C . .00211	D760101
169	Nguyễn Bảo Hân	24/08/95	Nữ	SPHC.10787		3	6.50	2.50	6.50	15.50	C . .00210	D760101
170	Nguyễn Ngọc Diễm	14/09/95	Nữ	LDAA.00597		3	5.00	2.75	7.75	15.50	Q . .00145	D340101
171	Lê Thị Hồng Hạnh	06/01/95	Nữ	DCND1.03159		3	6.00	5.25	4.25	15.50	Q . .00146	D340101
172	Tạ Thị Hồng Hà	23/06/95	Nữ	TMAA.02773		3	4.75	5.25	5.25	15.50	Q . .00150	D340101
173	Phạm Tú Uyên	25/11/95	Nữ	MHND1.25875		3	5.75	5.25	4.50	15.50	Q . .00152	D340101
174	Trần Hồng Vân	23/09/95	Nữ	VHHD1.04880		3	6.25	3.50	5.75	15.50	C . .00228	D760101
175	Nguyễn Thị Thu Trang	07/10/94	Nữ	DNVD1.07877		2NT	4.75	3.50	7.00	15.50	Q . .00156	D340101
176	Phạm Thu Thảo	18/09/95	Nữ	VHHD1.04413		3	5.25	3.25	6.50	15.00	Q . .00005	D340101
177	Hoàng Thị Liên	30/09/94	Nữ	SPHC.10823		2	5.75	2.50	6.50	15.00	C . .00020	D760101
178	Nguyễn Bích Ngọc	25/02/95	Nữ	TMAD1.22930		3	4.00	3.75	7.00	15.00	Q . .00016	D340101
179	Nguyễn Linh Huyền Châu	23/01/95	Nữ	TGCD1.05044		3	3.00	6.00	6.00	15.00	C . .00024	D760101
180	Nguyễn Bích Phương	19/12/95	Nữ	VHHC.02507		3	7.25	1.75	6.00	15.00	C . .00025	D760101
181	Hoàng Thị Bích Lê	19/07/94	Nữ	LDAD1.21516		2NT	5.75	3.75	5.50	15.00	Q . .00023	D340101
182	Nguyễn Bảo Ngọc	03/10/95		LPHA.02798		2	4.25	5.75	5.00	15.00	Q . .00051	D340101
183	Nguyễn Thùy Dung	01/12/95	Nữ	LDAA.07256		3	6.25	4.00	4.50	15.00	Q . .00054	D340101
184	Nguyễn Diệu Linh	02/11/95	Nữ	DMTA.06196		3	2.75	6.00	6.00	15.00	Q . .00060	D340101
185	Nguyễn Bảo Linh	28/10/95	Nữ	DNVD1.06838		3	4.75	4.50	5.50	15.00	C . .00083	D760101
186	Hoàng Thị Mai Anh	07/12/95	Nữ	SP2D1.00103		2	4.25	4.25	6.50	15.00	C . .00085	D760101
187	Nguyễn Thùy Linh	23/01/95	Nữ	LDAA.09827		3	3.75	4.00	7.25	15.00	Q . .00066	D340101
188	Trần Minh Quyên	03/08/84	Nữ	TGCD1.07546		3	3.50	5.00	6.50	15.00	C . .00159	D760101
189	Hoàng Phương Thảo	25/05/95	Nữ	LDAA.04265		2	4.50	4.50	6.00	15.00	Q . .00073	D340101
190	Vũ Hoài My	30/03/94	Nữ	SPHD1.15108		3	4.00	4.50	6.50	15.00	C . .00101	D760101
191	Lê Thị Thùy	08/12/95	Nữ	HCHA.00947	06	2NT	3.75	5.50	5.50	15.00	Q . .00091	D340101
192	Đào Thị Bích Ngọc	06/03/95	Nữ	TGCD1.07132		3	2.25	5.00	7.50	15.00	Q . .00113	D340101
193	Tô Thùy Dung	09/03/95	Nữ	TGCD1.05217		3	5.50	2.50	7.00	15.00	Q . .00116	D340101
194	Lê Đình Thi	20/06/95		MHND1.05666		1	4.00	5.75	5.00	15.00	Q . .00120	D340101
195	Hà Thị Khánh Hòa	23/03/95	Nữ	NHFD1.03023		2NT	8.00	1.00	5.75	15.00	C . .00166	D760101
196	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21/05/95	Nữ	LDAD1.23246		2NT	6.00	4.00	5.00	15.00	C . .00184	D760101
197	Mai Thị Yến Ngọc	09/07/95	Nữ	NHHA.03056		2	4.00	4.50	6.25	15.00	Q . .00127	D340101
198	Nguyễn Thị Phương	05/10/95	Nữ	LPHC.06839		1	6.00	3.50	5.25	15.00	C . .00193	D760101
199	Lê Thị Minh Hằng	22/09/95	Nữ	LDAD1.19971		3	4.50	4.50	6.00	15.00	Q . .00136	D340101
200	Trần Phương Linh	29/04/95	Nữ	LDAC.16094		2	5.50	3.50	6.00	15.00	C . .00194	D760101
201	Nông Thị Ương	12/03/95	Nữ	TGCC.03923	01	1	5.50	4.00	5.50	15.00	C . .00197	D760101
202	Bùi Như Khánh Vân	27/01/95	Nữ	VHHC.02312	03	3	5.25	2.25	7.50	15.00	C . .00230	D760101
203	Phạm Thị Thanh Huyền	15/10/95	Nữ	TMAA.04794		2	4.75	4.50	5.50	15.00	Q . .00157	D340101

204	Nguyễn Thị Quyên	17/10/95	Nữ	HQTD1.02096		2	3.00	3.75	8.00	15.00	C . .00234	D760101
205	Nguyễn Thị Huệ	02/02/95	Nữ	QHLD1.02252		2NT	6.00	7.00	1.75	15.00	C . .00239	D760101
206	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	25/01/95	Nữ	QHFD1.03218		3	6.00	4.00	4.50	14.50	Q . .00148	D760101
207	Hoàng Vũ Bảo Khanh	07/08/95	Nữ	TGCC.01643		3	5.50	3.00	6.00	14.50	C . .00030	D760101
208	Nguyễn Bảo Linh	18/10/95	Nữ	DNVC.02294		3	5.25	2.00	7.25	14.50	C . .00045	D760101
209	Phạm Thị Minh Giang	09/01/95	Nữ	LDAD1.19474		3	5.25	4.25	5.00	14.50	C . .00046	D760101
210	Lỗ Thị Mỹ Trinh	06/06/95	Nữ	TGCC.03700		1	4.50	3.50	6.50	14.50	C . .00049	D760101
211	Lã Mai Hương	05/11/95	Nữ	LDAA.02204		3	5.50	4.00	4.75	14.50	Q . .00030	D340101
212	An Hoa Thủy Tiên	12/11/95	Nữ	NTHD1.08046		3	6.50	5.00	3.00	14.50	C . .00056	D760101
213	An Hoa Thủy Tiên	12/11/95	Nữ	DMTD1.08046		3	6.50	5.00	3.00	14.50	Q . .00033	D340101
214	Hoàng Thanh Duyên	19/09/95	Nữ	SPHD1.12110		2NT	5.50	3.50	5.50	14.50	C . .00061	D760101
215	Trần Thị Thảo Linh	11/03/95	Nữ	LDAA.09954		2	4.75	3.50	6.00	14.50	Q . .00043	D340101
216	Trần Thị Thu Hương	02/09/95	Nữ	LPHA.03216		2	3.00	5.75	5.50	14.50	Q . .00052	D340101
217	Nguyễn Thị Hoàng Liên	28/10/95	Nữ	DDLA.09940		1	4.25	3.25	7.00	14.50	Q . .00053	D340101
218	Đặng Phú Mạnh	20/11/95		MDAA.04779		2	5.25	4.75	4.50	14.50	Q . .00061	D340101
219	Nguyễn Hoàng Mạnh Linh	12/05/95	Nữ	NHFD1.04244		3	6.00	4.75	3.50	14.50	Q . .00071	D340101
220	Phạm Thị Thùy Linh	28/12/95	Nữ	TMAA.06330		2	4.25	4.75	5.25	14.50	Q . .00074	D340101
221	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	05/08/95	Nữ	LDAA.13220		3	4.50	5.25	4.75	14.50	Q . .00077	D340101
222	Nguyễn Trúc Ly	02/02/95	Nữ	LDAD1.22260		1	3.00	4.75	6.50	14.50	C . .00103	D760101
223	Mai Huyền Trang	26/01/95	Nữ	SP2D1.02342		2NT	5.25	3.00	6.00	14.50	C . .00106	D760101
224	Lê Thị Thảo	06/03/95	Nữ	QHSC.03398		2NT	5.75	3.50	5.00	14.50	C . .00131	D760101
225	Trần Thị Thùy Linh	31/01/94	Nữ	LDAD1.22070		2	3.00	3.75	7.50	14.50	Q . .00111	D340101
226	Trần Thị Hà	14/02/95	Nữ	QHTA.02466		2NT	4.75	4.00	5.50	14.50	Q . .00105	D340101
227	Đỗ Thị Thuỳ Linh	08/07/95	Nữ	VHHC.01117		2	6.00	2.25	6.00	14.50	C . .00132	D760101
228	Trần Thị Mai	12/10/94	Nữ	TGCD1.06826		2NT	3.25	4.75	6.50	14.50	C . .00160	D760101
229	Nguyễn Long Nhật	03/12/95		VHHC.01482		2	6.50	2.00	6.00	14.50	C . .00168	D760101
230	Phương Thị Yến	21/03/95	Nữ	DNVC.04841	01	1	5.00	3.00	6.50	14.50	C . .00202	D760101
231	Đào Phương Anh	01/01/96	Nữ	LDAD1.18077		3	4.25	4.50	5.50	14.50	Q . .00144	D340101
232	Nguyễn Thị Tú Quyên	02/10/95	Nữ	HCHC.03059		1	7.00	2.50	5.00	14.50	C . .00208	D760101
233	Phạm Trung Kiên	12/07/95		CSHC.18577		2	6.00	4.25	4.25	14.50	C . .00209	D760101
234	Phạm Thị Thu Thảo	09/09/94	Nữ	TGCC.03043		1	6.50	1.00	7.00	14.50	C . .00217	D760101
235	Phạm Thị Kiều Chung	12/02/94	Nữ	DNVD1.05944		3	4.75	2.75	6.75	14.50	C . .00218	D760101
236	Nguyễn Phạm Công	31/03/93		DDAD1.00031		2	5.00	6.25	3.00	14.50	C . .00220	D760101
237	Nguyễn Thị Dương Kim	15/04/95	Nữ	SPHD1.15270		2NT	5.50	2.50	6.50	14.50	C . .00231	D760101
238	Hoàng Thị Thu Hà	10/08/95	Nữ	CSHC.12225		2	4.50	5.00	4.75	14.50	C . .00235	D760101
239	Lê Bá Thanh	22/10/93		BPHC.01726	06	2	6.25	3.25	5.00	14.50	C . .00237	D760101

240	Trần Thiên Anh	22/07/95	Nữ	VHHD1.02718		3	1.50	5.75	6.50	14.00	C . .00021	D760101
241	Phạm Thủy Tiên	08/08/95	Nữ	TGCD1.08132		2NT	3.75	3.50	6.50	14.00	Q . .00013	D340101
242	Nguyễn Thu Hà	24/01/95	Nữ	SPHC.11040		2	4.75	4.00	5.00	14.00	C . .00028	D760101
243	Nguyễn Tuấn Anh	25/12/95		TGCD1.04840		2	4.75	2.75	6.50	14.00	C . .00032	D760101
244	Lưu Thị Kiều My	30/04/95	Nữ	QHXC.02450		1	6.00	1.50	6.50	14.00	C . .00033	D760101
245	Hoàng Thu Hằng	27/09/95	Nữ	SPHD1.14781		2	4.50	3.50	6.00	14.00	C . .00035	D760101
246	Lại Thùy Linh	27/12/95	Nữ	LDAD1.21683		3	5.25	3.50	5.00	14.00	Q . .00018	D340101
247	Trần Thị Duyên	02/05/95	Nữ	LDAC.15177		2NT	4.50	4.00	5.50	14.00	C . .00041	D760101
248	Nguyễn Đặng Thùy Linh	03/04/94	Nữ	DNVD1.06928		1	4.50	3.50	5.75	14.00	C . .00057	D340101
249	Nguyễn Nhật Như Thùy	02/04/95	Nữ	HHKA.03011		3	5.50	3.00	5.25	14.00	Q . .00037	D340101
250	Đào Bảo Trung	24/09/94		LDAC.17270		3	5.00	2.50	6.50	14.00	C . .00078	D760101
251	Đỗ Trần Đức	24/10/95		DQHA.04419		3	5.00	3.00	5.75	14.00	Q . .00055	D340101
252	Đặng Thùy Dương	13/06/95	Nữ	TGCC.00616		1	5.50	1.00	7.50	14.00	C . .00091	D760101
253	Nguyễn Thùy Linh	23/10/95	Nữ	TGCD1.06409		3	4.25	3.75	6.00	14.00	Q . .00078	D340101
254	Nguyễn Thùy Linh	23/10/95	Nữ	TGCD1.06409		3	4.25	3.75	6.00	14.00	C . .00104	D760101
255	Vũ Như ý	18/06/95	Nữ	LDAA.05556		2	4.50	3.75	5.75	14.00	Q . .00087	D340101
256	Phạm Thị Minh Nguyệt	07/04/95	Nữ	TGCD1.07200		2NT	4.00	3.00	7.00	14.00	Q . .00088	D340101
257	Đinh Thị Thanh Hà	29/07/95	Nữ	TGCD1.05552		1	4.00	3.25	6.50	14.00	C . .00117	D760101
258	Nguyễn Trung Kiên	09/05/95		LDAD1.21359		3	4.75	4.75	4.50	14.00	C . .00124	D760101
259	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	04/03/95	Nữ	LDAA.13401		2	4.50	3.50	5.75	14.00	Q . .00098	D340101
260	Nguyễn Thị Giang	17/05/95	Nữ	DHAC.71631		2NT	6.50	2.75	4.75	14.00	C . .00125	D760101
261	Đinh Hoàng Linh	01/01/95		NNHD1.04285		3	5.50	3.75	4.50	14.00	C . .00126	D760101
262	Huỳnh Thị Ngọc Anh	01/11/95	Nữ	ANHD1.07522		3	3.00	4.50	6.50	14.00	C . .00128	D760101
263	Nguyễn Thị Diễm My	07/05/95	Nữ	CSHC.15322		2NT	5.25	6.00	2.50	14.00	C . .00130	D760101
264	Phùng Thị Kim Tuyến	07/11/95	Nữ	SP2A.04168		2	5.00	3.75	5.00	14.00	Q . .00109	D340101
265	Vũ Thị Thu Hồng	15/12/95	Nữ	LDAA.01777		2	4.25	5.50	4.25	14.00	Q . .00110	D340101
266	Hoàng Thị Thu Huyền	06/12/95	Nữ	TGCC.04196		2NT	5.00	3.00	6.00	14.00	C . .00146	D760101
267	Trần Thị Nghĩa	31/01/95	Nữ	KHAD1.03986		1	6.25	3.50	4.00	14.00	Q . .00114	D340101
268	Nguyễn Thu Hà	07/06/92	Nữ	LPHC.07463	01	1	4.75	2.75	6.50	14.00	C . .00178	D760101
269	Thân Thị Hằng	18/04/95	Nữ	LDAC.15508	01	1	5.50	4.00	4.50	14.00	C . .00163	D760101
270	Phan Diệu Linh	01/09/95	Nữ	LDAC.16082	01	1	4.50	4.00	5.50	14.00	C . .00167	D760101
271	Vũ Thị Thúy Loan	26/02/94	Nữ	DHAC.71175		1	7.25	3.50	3.00	14.00	C . .00180	D760101
272	Đặng Thái Mỹ Hằng	14/05/94	Nữ	LDAA.01422		3	3.50	4.50	6.00	14.00	Q . .00125	D340101
273	Nguyễn Bảo Ngân	30/12/95	Nữ	QHXD6.07749		3	5.00	5.00	4.00	14.00	C . .00188	D760101
274	Hoàng Thu Hằng	27/09/95	Nữ	SPHD1.14781		2	4.50	3.50	6.00	14.00	Q . .00132	D340101
275	Trần Văn Triều	26/06/93		QSXC.04835		3	6.50	3.25	4.00	14.00	C . .00201	D760101

276	Đào Thu Hương	13/09/95	Nữ	MHND1.03535		3	6.25	3.75	4.00	14.00	Q . .00143	D340101
277	Phạm Khánh Duy	03/12/94		HQTD1.01180		2	3.25	3.75	7.00	14.00	C . .00204	D760101
278	Nguyễn Trung Kiên	16/07/95		HQTD1.01572		3	5.50	3.00	5.50	14.00	Q . .00155	D340101
279	Nguyễn Bảo Ngân	30/12/95	Nữ	QHxD6.07749		3	5.00	5.00	4.00	14.00	C . .00233	D760101
280	Nguyễn Thị Hải Anh	23/10/95	Nữ	TGCC.00138		2NT	5.50	2.00	6.50	14.00	C . .00236	D760101
281	Nguyễn Thu Huyền	01/04/95	Nữ	DDLD1.11706		3	4.25	4.75	4.50	13.50	C . .00012	D760101
282	Nguyễn Thị Mai Ninh	27/05/94	Nữ	VHHC.01534	06	2NT	6.00	2.00	5.50	13.50	C . .00017	D760101
283	Nguyễn Thanh Thanh Hương	03/12/94	Nữ	TGCD1.06176		3	4.50	2.75	6.00	13.50	C . .00018	D760101
284	Nguyễn Vương Bằng Lâm	14/01/95		KHAD1.02773		2	3.25	4.50	5.50	13.50	Q . .00010	D340101
285	Đặng Thị Quỳnh Trang	06/08/59		LDAC.17219		2	4.00	3.50	6.00	13.50	C . .00027	D760101
286	Đỗ ánh Ngọc	17/02/95	Nữ	LDAC.16415		2NT	6.00	0.50	7.00	13.50	C . .00034	D760101
287	Phạm Thiên Hương	01/08/95	Nữ	LDAD1.21054		3	5.00	4.50	4.00	13.50	C . .00043	D760101
288	Lý Diệu Linh	04/11/94	Nữ	LDAC.17638		2	4.50	1.75	7.00	13.50	C . .00059	D760101
289	Hoàng Thị Minh Phương	04/01/94	Nữ	LPHC.07433	01	1	5.00	2.75	5.75	13.50	C . .00063	D760101
290	Trần Thị Thúy Hằng	08/03/95	Nữ	NHHA.03866		2NT	5.00	4.00	4.50	13.50	Q . .00040	D340101
291	Tô Thị Thanh Thảo	15/10/95	Nữ	MHND1.07719		3	6.00	3.25	4.25	13.50	C . .00079	D760101
292	Phan Quỳnh Anh	29/11/95	Nữ	DNVD1.05794	01	1	2.75	2.50	8.25	13.50	Q . .00056	D340101
293	Hoàng Thị Hồng Thanh	30/10/95	Nữ	HVQD1.01457		2	6.50	4.00	3.00	13.50	C . .00089	D760101
294	Đỗ Thị Mai	03/08/95	Nữ	LDAA.02903		2	4.25	4.75	4.50	13.50	Q . .00067	D340101
295	Nguyễn Phương Huyền	23/01/95	Nữ	LDAD1.20787		2	4.00	4.00	5.50	13.50	C . .00100	D760101
296	Nguyễn Thị Hà	16/02/94	Nữ	KHAD1.01377		2	4.50	2.75	6.00	13.50	C . .00112	D760101
297	Trần Thị Huyền Trang	08/05/95	Nữ	LDAD1.25265		1	4.50	2.25	6.50	13.50	C . .00114	D760101
298	Tran Lam Anh	04/01/95	Nữ	LDAA.06742		2	6.00	3.25	4.25	13.50	Q . .00094	D340101
299	Tô Thị Hòa	25/04/95	Nữ	LDAC.15680		2NT	5.50	2.50	5.50	13.50	C . .00120	D760101
300	Hoàng Linh Hương	11/04/95	Nữ	LDAD1.21205		2	5.00	3.25	5.00	13.50	Q . .00103	D340101
301	Đồng Thị Thùy An	06/02/95	Nữ	HCHD1.03888	01	1	5.00	5.50	3.00	13.50	C . .00137	D760101
302	Phạm Thanh Phước	28/11/95		LDAD1.23676		3	4.75	5.50	3.00	13.50	C . .00143	D760101
303	Vương Kiều Anh	03/02/95	Nữ	QHXC.00242		2NT	5.00	2.50	5.75	13.50	C . .00144	D760101
304	Nguyễn Thu Trà	11/10/95	Nữ	DNVD1.08002		3	3.50	5.75	4.00	13.50	Q . .00118	D340101
305	Lăng Thị Diệu	01/08/92	Nữ	QHLC.00506	01	1	5.00	3.00	5.50	13.50	C . .00161	D760101
306	Nguyễn Thị Mai Quỳnh	15/08/95	Nữ	LDAA.11926	06	1	5.00	3.00	5.50	13.50	Q . .00121	D340101
307	Trần Lan Anh	08/01/95	Nữ	LDAA.00245		2	5.00	3.50	4.75	13.50	Q . .00122	D340101
308	Lê Nam Dương	04/04/95		CSHC.11590		2NT	4.50	6.25	2.75	13.50	C . .00185	D760101
309	Lê Hoàng Ly	31/12/95	Nữ	MHND1.08909		2NT	2.50	3.50	7.50	13.50	Q . .00131	D340101
310	Phan Bá Vũ	14/08/95		DMTA.09012		2	4.25	5.00	4.25	13.50	Q . .00134	D340101
311	Trịnh Thị Khánh Linh	13/11/95	Nữ	DMTA.04235	06	3	3.75	3.25	6.25	13.50	Q . .00136	D340101

312	Phan Kiều Ngân	27/03/95	Nữ	BKAA.21458		3	3.50	2.75	7.00	13.50	Q . .00137	D340101
313	Đoàn Quang Hải	24/02/94		TMAA.02847		3	5.00	4.75	3.50	13.50	Q . .00139	D340101
314	Vũ Thị Hiền	31/01/95	Nữ	DNVC.01266		2NT	6.25	1.25	5.75	13.50	C . .00200	D760101
315	Nguyễn Mỹ Ninh	05/08/95	Nữ	SPHD1.13125		3	6.75	3.00	3.50	13.50	Q . .00147	D340101
316	Phạm Thị Hải Lâm	30/04/95	Nữ	DMTD1.20292		1	5.00	2.75	5.50	13.50	C . .00216	D760101
317	Đinh Thị Khải Lê	16/06/94	Nữ	HCHC.02680	01	1	7.00	1.50	5.00	13.50	C . .00221	D760101
318	Nghiêm Bảo Giang	06/04/87		NNHA.02865		2NT	4.00	5.00	4.00	13.00	Q . .00015	D340101
319	Hoàng Thu Thủy	12/05/95	Nữ	MDAA.07447		2NT	3.00	3.75	6.25	13.00	Q . .00025	D340101
320	Nguyễn Thị Tuyết Mai	02/01/95	Nữ	DCND1.06749		2NT	3.00	5.25	4.75	13.00	Q . .00026	D340101
321	Chu Phương Lưu	10/07/95	Nữ	NNHA.07853		2NT	4.75	3.75	4.50	13.00	Q . .00035	D340101
322	Phạm Thị Huyền Anh	06/04/94	Nữ	VHHD1.04970		2	5.50	2.75	4.50	13.00	C . .00071	D760101
323	Phan Thị Phụng	02/10/95	Nữ	LDAC.16627		2NT	5.00	1.00	7.00	13.00	C . .00076	D760101
324	Trần Ngọc Huyền	25/03/95	Nữ	LDAA.09058		2NT	4.50	3.50	4.75	13.00	Q . .00042	D340101
325	Bùi Thị Trang	27/09/95	Nữ	CSHC.18433	01	1	7.25	1.25	4.25	13.00	C . .00086	D760101
326	Hoàng Thị Thu Hiền	13/07/95	Nữ	HCHD1.04320		2NT	6.00	3.75	3.00	13.00	C . .00087	D760101
327	Nguyễn Thị Thùy Linh	28/04/95	Nữ	LDAD1.21962		2NT	3.75	2.75	6.50	13.00	C . .00090	D760101
328	Trần Thị Chi	26/03/95	Nữ	QSKD1.06419		2NT	6.50	2.50	4.00	13.00	Q . .00072	D340101
329	Phùng Thị Huyền My	24/07/95	Nữ	MHND1.22722		2	4.50	3.00	5.50	13.00	Q . .00081	D340101
330	Nguyễn Thị Hương Thơm	22/01/95	Nữ	DNVC.03894		2NT	4.00	2.50	6.25	13.00	C . .00107	D760101
331	Bùi Thị Kim Tuyết	03/09/95	Nữ	SP2A.04170		1	5.75	3.50	3.50	13.00	Q . .00083	D340101
332	Cù Thị Bốn	16/07/95	Nữ	LDAA.06973		2NT	4.00	4.00	5.00	13.00	Q . .00084	D340101
333	Vũ Thị Như Quỳnh	13/09/95	Nữ	HCHA.01716		1	4.25	4.50	4.00	13.00	Q . .00093	D340101
334	Lò Thị Bích Loan	23/01/95	Nữ	DTSC.01879	01	1	5.00	2.25	5.50	13.00	C . .00121	D760101
335	Lê Thị Ngọc Bích	06/08/94	Nữ	QHXD1.00617		1	1.50	8.00	3.25	13.00	C . .00134	D760101
336	Phùng Thị Huyền My	24/07/95	Nữ	TMAD1.22722		2	4.50	3.00	5.50	13.00	C . .00141	D760101
337	Nguyễn Phương Anh	29/08/94	Nữ	NHFD1.00326	06	3	5.50	3.75	3.75	13.00	Q . .00112	D340101
338	Phạm Quý Anh	01/10/94		ANHC.03804	01	1	5.00	3.50	4.50	13.00	C . .00145	D760101
339	Lê Thị Yến Nhi	08/06/95	Nữ	LDAC.17663		2	5.00	3.00	5.00	13.00	C . .00150	D760101
340	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16/12/95	Nữ	SPHC.18717		2NT	6.50	1.50	5.00	13.00	C . .00154	D760101
341	Phạm Thị Ngọc Anh	03/05/95	Nữ	NHFD3.00013		2	6.00	2.25	4.75	13.00	C . .00158	D760101
342	Hoàng Lê Huyền	06/09/95	Nữ	SGDD1.29279		1	2.25	5.00	5.75	13.00	C . .00176	D760101
343	Nguyễn Thị Thu Trang	24/09/95	Nữ	HCHD1.05024		2NT	7.00	1.50	4.50	13.00	C . .00181	D760101
344	Phương Thị Duyên	22/10/94	Nữ	DNVC.00673	01	1	5.50	1.50	6.00	13.00	C . .00199	D760101
345	Phương Thị Duyên	22/10/94	Nữ	DNVC.00673	01	1	5.50	1.50	6.00	13.00	C . .00199	D760101
346	Võ Hồng Phong	08/08/95		QHLC.02923	01	1	4.75	5.50	2.50	13.00	C . .00205	D760101
347	Lê Ngọc Diệp	02/03/94		TGCC.00691		1	5.00	3.00	5.00	13.00	C . .00212	D760101